

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm trước thông tin GDP quý II Việt Nam tăng 6.61% dù chịu tác động đáng kể từ đợt bùng phát dịch thứ 4 và CPI bình quân 6 tháng tăng gần 1.5% so với cùng kỳ, thấp nhất kể từ 2016

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm trước thông tin tích cực về vĩ mô khi GDP tăng 6.61% trong quý 2/2021

[Thông tin doanh nghiệp]

VJC

[Vĩ mô/Chiến lược]

Triển vọng TTCK Việt Nam 2H 2021

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tập trung vào việc quản lý tỷ trọng ở mức vừa phải và ưu tiên cho các vị thế ngắn hạn. Việc chốt lời quay vòng 1 phần tỷ trọng có thể tiếp tục được cân nhắc khi KLGĐ đang không tăng tương ứng với đà đi lên của chỉ số

29/06/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,410.04	+0.30
VN30	1,529.97	+0.56
HĐTL VN30F1M	1,533.90	+0.66
HNXIndex	323.79	+0.21
HNX30	510.30	-0.10
UPCoM	90.30	+0.56
USD/VND	23,023	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.21	-1
Lãi suất qua đêm (%)	1.08	+13
Dầu (WTI, \$)	72.66	-0.34
Vàng (LME, \$)	1,771.54	-0.39



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,410.04 (+0.30%)
KLGD (triệu CP) 647.4 (+0.6%)
GTGD (triệu US\$) 926.2 (-8.1%)

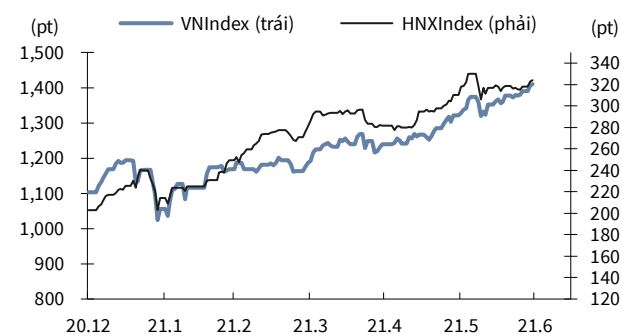
HNXIndex 323.79 (+0.21%)
KLGD (triệu CP) 132.8 (+1.3%)
GTGD (triệu US\$) 136.0 (+5.6%)

UPCoM 90.30 (+0.56%)
KLGD (triệu CP) 81.8 (+7.7%)
GTGD (triệu US\$) 56.7 (+4.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +1.8

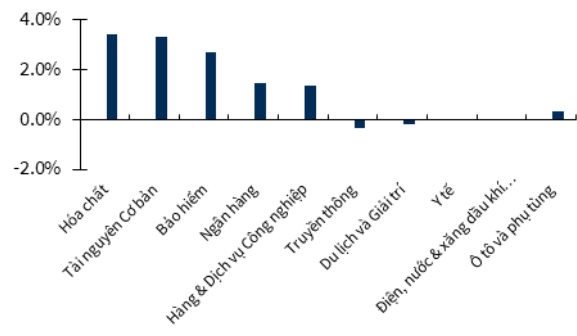
TTCK tăng điểm trước thông tin GDP quý II Việt Nam tăng 6.61% dù chịu tác động đáng kể từ đợt bùng phát dịch thứ 4 và CPI bình quân 6 tháng tăng gần 1.5% so với cùng kỳ, thấp nhất kể từ 2016. Cổ phiếu ngành ngân hàng tăng giá ở VCB (+1.2%), MBB (+0.8%) sau khi tổng cục thống kê công bố tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế tính đến thời điểm 21/6/2021 đạt 5.47% (cùng thời điểm năm 2020 tăng 2.45%). Giá phân bón tại Việt Nam tiếp tục tăng giá theo đà tăng của giá phân bón thế giới sau khi EU thông báo gói trừng phạt mới lên Belarus bao gồm các biện pháp hạn chế mua bán phân bón kali, khiến giá cổ phiếu ngành phân đạm tăng ở LAS (+2.2%), DCM (0.7%), BFC (+0.4%). Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam dự báo xuất khẩu cá tra tiếp tục tăng trưởng tốt nhờ các nước nhập khẩu kiểm soát được dịch bệnh tác động tích cực lên giá cổ phiếu ngành cá tra ở ANV (+6.8%), VHC (+1.0%). Khối ngoại mua ròng ở VHM (+2.7%), VNM (+2%), VCB (+1.2%).

VNIndex & HNXIndex



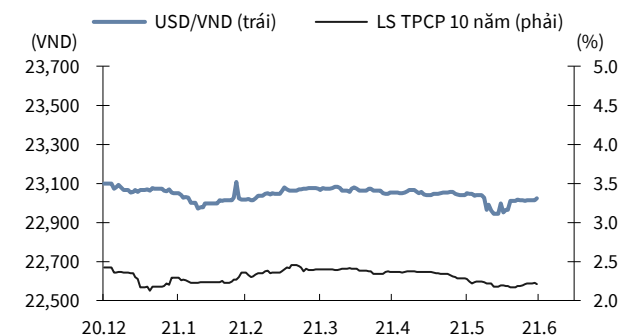
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



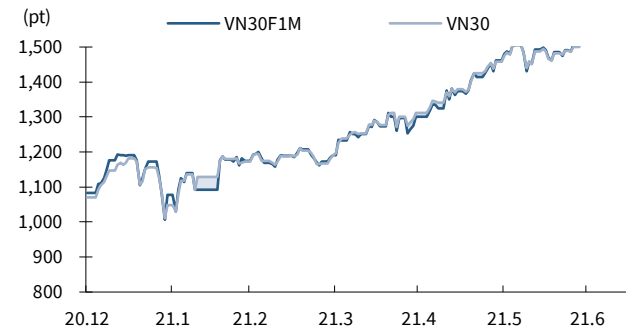
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,529.97 (+0.56%)
VN30F1M	1,533.9 (+0.66%)
Mở cửa	1,524.1
Cao nhất	1,535.4
Thấp nhất	1,522.3
KLGD (HĐ)	167,408 (+13.9%)

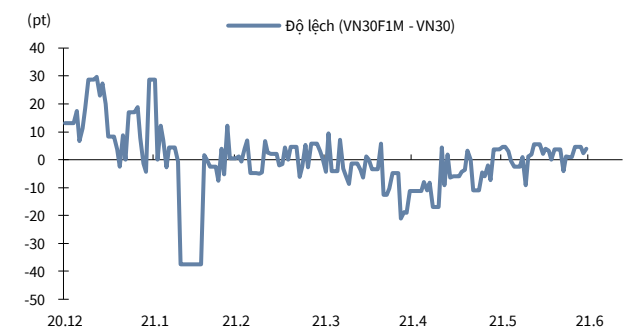
HĐTL tăng điểm trước thông tin tích cực về vĩ mô khi GDP tăng 6.61% trong quý 2/2021. Chênh lệch F2107 và VN30 mở cửa ở mức 2.9, giảm co trong biên độ -4.02 và 2.85 điểm trong phiên, trước khi hồi phục mạnh và đóng cửa ở mức cao nhất trong ngày 3.9 điểm cơ bản. NĐTNN tiếp tục mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường ở mức trung bình.

HĐTL VN30F1M & VN30



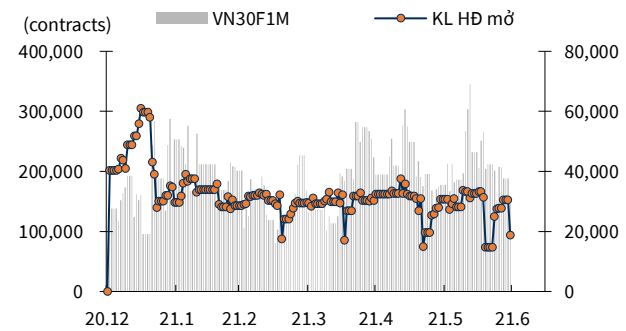
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



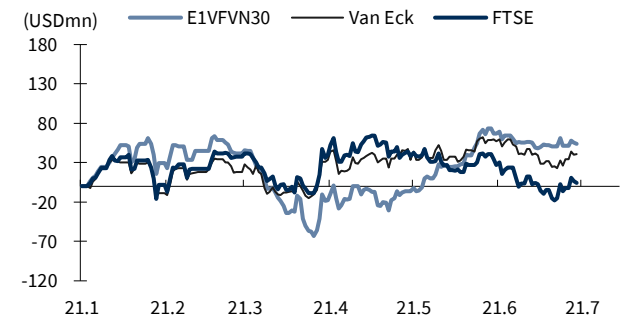
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

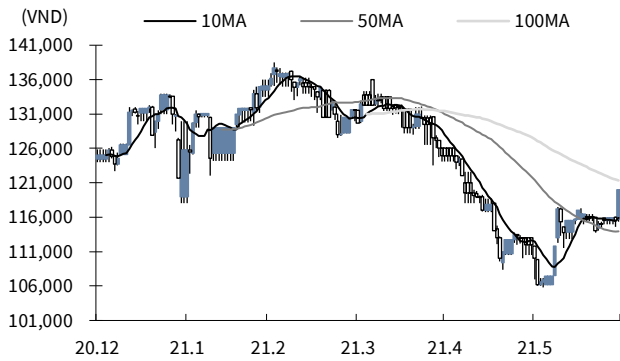
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Vietjet (VJC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VJC tăng 3.9% lên 120,000 VNĐ/cp.
- Vietjet thông qua kế hoạch doanh thu hợp nhất năm 2021 đạt 21,900 tỷ đồng (+20% YoY), trong đó doanh thu vận tải hàng không đạt 15,500 tỷ đồng (+13.6% YoY).
- Công ty sẽ tăng vốn điều lệ thông qua phát hành chào bán cổ phần riêng lẻ tối đa 15% vốn điều lệ, đồng thời triển khai phương án phát hành trái phiếu quốc tế 2021-2022 trị giá 300 triệu USD bổ sung vốn hoạt động kinh doanh.

Triển vọng TTCK Việt Nam

2H 2021

Nền tảng cơ bản tiếp tục được củng cố

Trần Đức Anh

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường
anhdt@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh

Chuyên viên chiến lược đầu tư
anhhtt@kbsec.com.vn

28/06/2021

KBSV Top pick

Mã	Giá mục tiêu	Ngày ra báo cáo	Upside
AST	68,900	29/06	35.9%
PTB	112,900	25/06	31.3%
VPB	76,800	24/06	12.6%
DRC	34,700	15/06	16.4%
SGP	26,600	10/06	10.8%
FPT	104,200	03/06	22.3%
GAS	107,800	31/05	13.5%
BID	46,900	21/05	9.5%
GDT	68,700	14/05	21.4%
TCB	58,000	13/05	12.4%
CTG	58,000	13/05	7.8%
QTP	20,520	30/03	46.6%
VCB	120,000	29/06	6.6%

- Chúng tôi đánh giá dự địa tăng giá của thị trường vẫn còn tương đối dồi dào trong 6 tháng cuối năm**, với động lực tiếp tục đến từ sự khởi sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của nhóm doanh nghiệp niêm yết (đặc biệt nhóm vốn hoá lớn thuộc các ngành ngân hàng, thép, chứng khoán, tiện ích, công nghệ thông tin...), trong bối cảnh điều kiện thị trường được đánh giá sẽ tiếp tục duy trì trạng thái thuận lợi (tăng trưởng kinh tế ở mức cao, lạm phát không vượt quá mức mục tiêu chính phủ đề ra, lãi suất duy trì ở mức thấp, tỷ giá biến động ổn định...). Sử dụng các so sánh tương quan với TTCK khu vực cũng như bản thân VNIndex trong quá khứ, kết hợp với các điều kiện thị trường ở thời điểm hiện tại, chúng tôi dự phóng mức điểm phù hợp của chỉ số VNIndex vào thời điểm cuối năm là 1,480 điểm (tương ứng P/E 2021 18 lần, TTM EPS 2021 bình quân các doanh nghiệp trong rổ VNIndex tăng 13% so với mức hiện tại)
- Bất cứ nhịp điều chỉnh đáng kể nào của thị trường (trong kịch bản các yếu tố rủi ro không làm thay đổi điều kiện cơ bản của thị trường trong dài hạn) đều là cơ hội để nhà đầu tư gia tăng tỷ trọng, tích lũy cổ phiếu.** Chúng tôi đánh giá nhịp điều chỉnh khả năng cao nhất sẽ xuất hiện trong nửa sau của quý 3 khi hiệu ứng tích cực từ mùa báo cáo KQKD Q2 qua đi, áp lực chốt lời vùng giá cao cần được giải toả, và các yếu tố rủi ro gia tăng (FED đề cập đến việc giảm quy mô chương trình mua vào tài sản trong kỳ họp tháng 9, giá cả hàng hoá tiếp tục tăng khiến gia tăng rủi ro về lạm phát, tái bùng phát dịch Covid-19 bởi chúng mới trong khi chương trình tiêm chủng vaccine trong nước chậm triển khai...). Đối với chiến lược đầu tư tổng thể và xuyên suốt, chúng tôi cho rằng mua & nắm giữ là chiến lược hợp lý với phần đông nhà đầu tư khi mà các nhịp biến động của thị trường nhiều khả năng sẽ tăng dần biên độ trong nửa cuối năm, khiến hoạt động trading kém hiệu quả nếu nhà đầu tư không nắm bắt được điểm vào/ra phù hợp.
- Trong nửa sau 2021, Bộ phận phân tích doanh nghiệp của chúng tôi đánh giá tích cực đối với triển vọng các ngành bất động sản, bất động sản khu công nghiệp, điện, cảng biển, công nghệ thông tin, ngân hàng, thủy sản và dầu khí.** Trong đó, các động lực chính thúc đẩy tăng trưởng ở các ngành này có thể kể đến như tác động tích cực của môi trường lãi suất thấp (ngân hàng, bất động sản), xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng đến Việt Nam và việc thương mại quốc tế dần khôi phục khi chương trình tiêm vaccine được đẩy mạnh ở các nước phát triển (bất động sản khu công nghiệp, cảng biển, thủy sản), xu hướng tăng của giá hàng hoá (dầu khí), hay 1 số ngành vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng mà không chịu ảnh hưởng đáng kể bởi các biến động vĩ mô (công nghệ thông tin, điện)... *(chi tiết xem thêm phần V của báo cáo).*

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

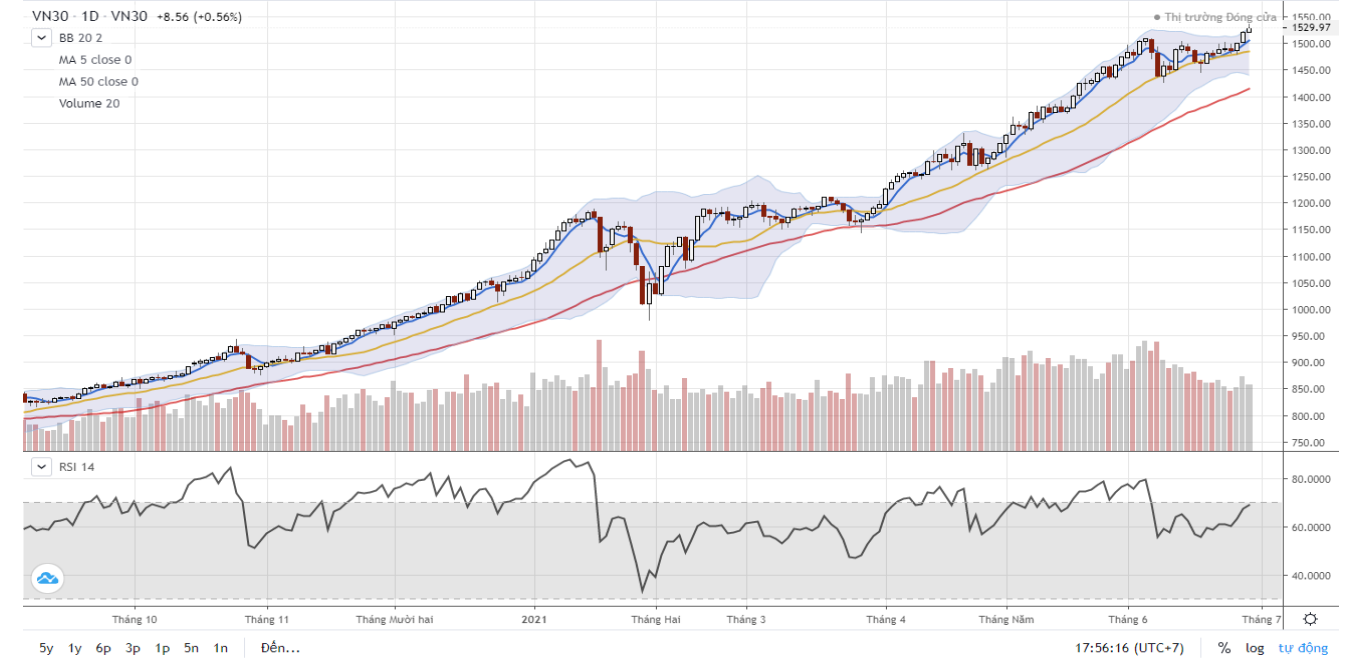
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



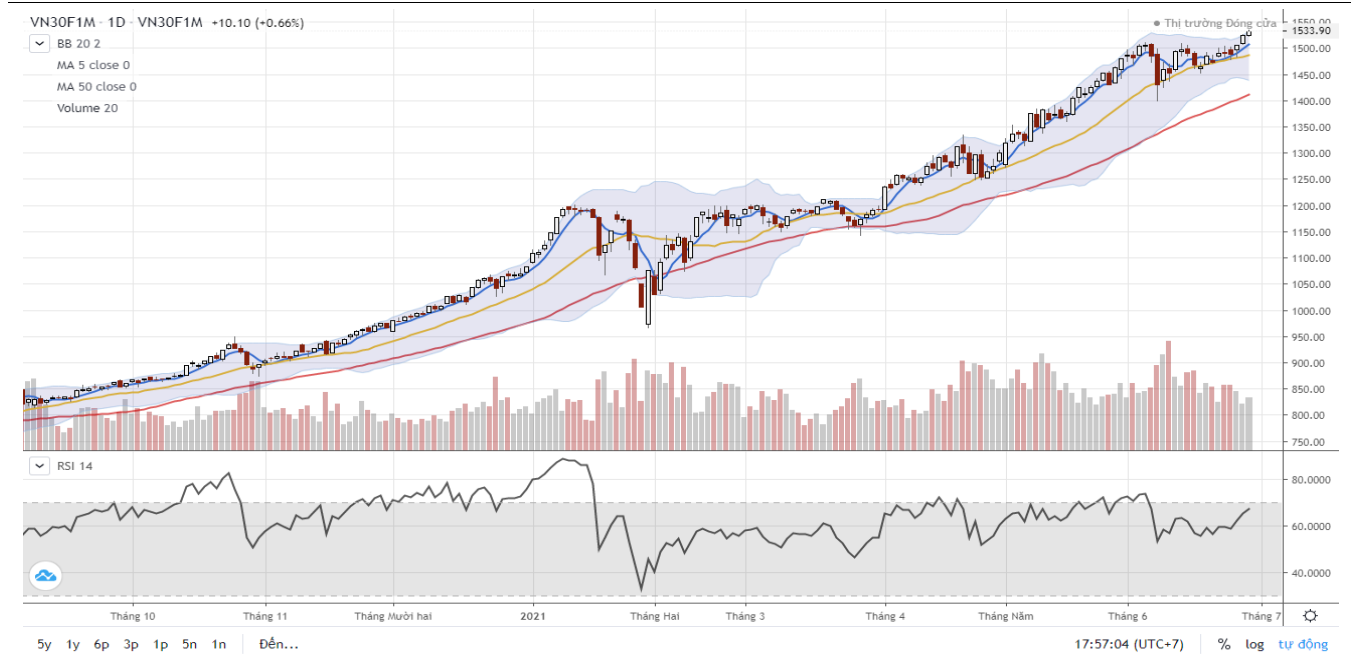
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tiếp tục mở rộng đà tăng trước khi vấp phải áp lực bán về cuối phiên.
- Việc tạo mẫu nến doji với bóng trên dài trong khi thanh khoản và mức lan tỏa của dòng tiền chưa được cải thiện khiến đà đi lên của VNIndex thiếu tính thuyết phục và tiềm ẩn rủi ro điều chỉnh
- NĐT được khuyến nghị tập trung vào việc quản lý tỷ trọng ở mức vừa phải và ưu tiên cho các vị thế ngắn hạn. Việc chốt lời quay vòng 1 phần tỷ trọng có thể tiếp tục được cân nhắc khi KLGD đang không tăng tương ứng với đà đi lên của chỉ số.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1540 - 1545

Kháng cự gần: 1535 - 1537

Hỗ trợ gần: 1528 - 1530

Hỗ trợ xa: 1523 - 1526

— F1 diễn biến tăng gổ đầu mặc dù trải qua nhịp rung lắc khá mạnh vào cuối phiên.

— Mặc dù tạo đỉnh mới nhưng việc KLGĐ vẫn ở mức trung bình thấp khiến chỉ số tiềm ẩn rủi ro điều chỉnh trong quá trình đi lên.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Áp dụng chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, bán tại kháng cự và mua tại hỗ trợ trong phiên.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế còn lại.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

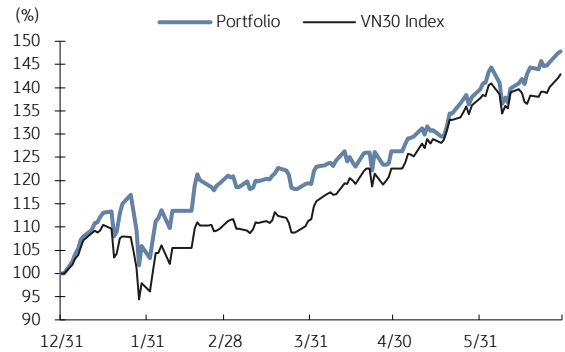
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.56%	0.30%
Tăng lũy kế (YTD)	42.89%	47.81%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 29/06/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	147,000	1.0%	26.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	38,800	1.6%	58.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	98,600	0.5%	28.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	43,450	0.8%	155.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	57,700	0.7%	69.7%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	88,600	3.4%	204.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	53,900	-0.9%	120.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	93,000	-2.1%	26.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	51,800	-1.1%	257.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	39,800	-0.9%	190.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	2.7%	22.8%	166.4
VNM	2.0%	54.8%	93.7
VCB	1.2%	23.5%	92.4
STB	2.7%	12.2%	65.3
HPG	-1.2%	26.4%	55.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VPB	-1.6%	15.5%	-296.8
CTG	-0.9%	25.1%	-120.1
VIC	1.1%	14.1%	-40.2
NVL	0.8%	7.6%	-21.6
TCH	-0.7%	13.6%	-12.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVI	1.2%	49.0%	1.7
ART	-1.9%	0.5%	0.8
CVN	0.0%	0.8%	0.5
TC6	9.4%	3.8%	0.4
DST	0.0%	1.1%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VND	-0.7%	18.5%	-8.4
PAN	-1.4%	34.6%	-3.9
BVS	-1.3%	8.7%	-0.7
TVB	-0.7%	0.1%	-0.6
PVS	-2.3%	7.9%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	5.1%	SSI, HCM
Ngân hàng	4.9%	VCB, CTG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.1%	GAS, VSH
Hóa chất	3.1%	GVR, GVR
Tài nguyên Cơ bản	2.1%	HPG, NKG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-2.6%	TCH, SVC
Truyền thông	-1.4%	ADG, YEG
Thực phẩm và đồ uống	-0.7%	VNM, HNG
Dầu khí	-0.6%	PLX, PVD
Bán lẻ	-0.6%	ABS, MWG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	23.2%	GVR, GVR
Dịch vụ tài chính	17.7%	SSI, VCI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.9%	GAS, BWE
Bảo hiểm	11.2%	BVH, MIG
Bất động sản	7.5%	VHM, NVL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-0.9%	ADG, PNC
Tài nguyên Cơ bản	0.4%	HPG, POM
Ô tô và phụ tùng	0.7%	SVC, HAX
Công nghệ thông tin	1.9%	CMG, ST8
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.0%	GMC, TCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	256,481 (11.1)	22.5	85.2	53.8	14.7	7.7	9.0	4.3	3.9	1.1	0.4	-1.5	9.1
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	483,676 (21.0)	26.6	12.8	11.5	35.9	31.3	27.3	3.4	2.7	2.7	6.4	13.4	32.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	180,779 (7.9)	17.8	25.7	21.0	-7.6	8.8	10.1	2.3	2.1	-0.3	0.6	3.8	1.0
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	285,391 (12.4)	31.3	32.8	35.9	6.7	16.2	13.0	5.2	5.0	0.8	6.6	21.7	151.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	115,075 (5.0)	11.6	19.4	14.4	18.0	14.2	17.0	2.5	2.2	0.9	0.5	5.8	40.8
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	329,770 (14.3)	13.9	9.4	8.5	-	19.1	18.2	1.6	1.4	-1.2	-1.4	11.3	50.8
Ngân hàng	VCB	#N/A Requesting Data...	102,000	378,305 (16,441)	244,625 (10.6)	6.3	18.6	15.5	11.7	22.1	21.7	3.6	3.0	1.2	5.9	14.5	16.4
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	205,079 (8.9)	12.7	20.0	14.6	-5.3	12.0	14.6	2.1	1.8	0.0	4.2	-0.5	-2.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	932,462 (40.5)	0.0	11.6	9.8	14.3	19.8	19.2	2.1	1.7	-0.2	5.1	0.9	69.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	844,184 (36.7)	1.4	12.4	10.2	61.1	19.8	20.0	2.0	1.7	-0.9	3.9	5.3	56.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	2,298,586 (99.9)	0.0	11.8	11.2	18.8	21.6	18.5	2.2	1.8	-1.6	1.4	-2.5	105.8
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	987,666 (42.9)	0.0	11.0	9.4	14.6	21.2	20.7	2.1	1.7	0.8	3.5	15.3	90.7
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	184,850 (8.0)	4.2	10.4	8.7	23.3	21.3	20.2	2.0	1.6	-0.3	4.5	9.3	51.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	955,080 (41.5)	14.0	26.6	18.2	26.5	8.8	11.0	1.8	1.7	2.6	2.6	-2.7	83.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	168,504 (7.3)	0.0	8.7	7.4	37.5	23.0	21.4	1.8	1.5	-0.9	5.2	3.3	39.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	24,409 (1.1)	0.2	44.1	24.0	27.3	5.8	10.0	2.1	2.0	2.3	3.2	-4.4	58.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	83,511 (3.6)	21.0	25.6	22.7	15.2	8.4	9.0	2.1	2.0	-1.5	-1.3	6.5	-10.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	25,513 (1.1)	14.2	17.4	13.7	9.1	9.7	11.7	1.5	1.3	-1.2	-2.9	9.6	20.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	732,558 (31.8)	55.4	22.4	17.5	-3.2	14.3	16.2	-	-	1.3	10.3	30.6	65.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	237,035 (10.3)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-0.2	1.0	42.3	82.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	283,937 (12.3)	52.4	24.1	-	-19.0	17.1	-	3.3	-	2.9	13.3	34.6	60.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	343,919 (15.0)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-0.7	7.4	57.0	140.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	322,388 (14.0)	42.1	18.5	17.4	4.0	33.9	34.5	5.7	5.4	2.0	0.4	-0.1	-16.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	32,659 (1.4)	36.9	22.1	19.2	7.3	23.2	23.6	4.6	4.2	-0.9	1.5	5.0	-13.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	144,228 (6.3)	16.5	47.4	27.0	-51.9	12.9	17.9	6.2	5.0	-0.4	0.0	-3.6	22.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	162,558 (7.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.5	-4.8	2.8	-25.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	66,272 (2.9)	11.0	160.0	24.5	-88.5	3.8	16.6	3.5	2.9	3.9	4.3	7.1	-4.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	111,353 (4.8)	10.8	25.8	18.7	-57.0	8.7	11.6	2.0	1.9	-2.3	-1.3	14.1	31.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	57,273 (2.5)	38.4	15.0	9.1	65.7	6.5	9.9	1.1	1.0	-0.3	-5.0	-4.7	-10.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	119,790 (5.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-1.5	-4.2	-1.6	159.7
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	139,260 (6.1)	37.7	10.0	15.1	-12.7	9.1	14.9	-	-	-0.7	-2.2	3.2	23.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	28,151 (1.2)	3.6	14.7	13.0	-52.4	4.0	4.4	0.6	0.5	-1.7	3.5	9.8	-16.5
	REE	#N/A Requesting Data...	59,600	18,419 (800)	40,037 (1.7)	0.0	9.8	8.0	-4.5	13.4	15.2	1.2	1.2	0.7	0.2	-2.7	17.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	109,572 (4.8)	46.1	17.8	16.3	-17.5	19.9	20.2	3.4	3.1	-2.1	-2.0	13.4	7.4
	NT2	#N/A Requesting Data...	22,850	6,578 (286)	9,397 (0.4)	31.4	13.5	8.7	-10.5	10.5	16.3	-	-	-0.2	-3.3	6.8	-16.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	5,867 (0.3)	34.1	10.1	10.1	-5.1	12.2	13.4	1.3	1.3	-0.2	0.4	7.5	2.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,594,860 (69.3)	18.0	8.6	8.1	21.9	38.9	28.5	2.6	2.0	-1.1	0.2	4.2	68.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	53,008 (2.3)	36.5	12.8	14.4	-0.5	9.3	7.8	1.1	1.0	0.2	0.4	20.5	21.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	85,527 (3.7)	46.5	20.1	19.5	-4.5	9.3	9.0	1.8	-	1.0	4.3	21.5	47.5
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	484,982 (21.1)	38.9	6.6	8.5	67.9	40.8	23.3	2.2	1.7	-1.8	0.5	12.0	108.6
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	219,710 (9.6)	97.2	13.1	14.2	17.2	10.5	11.0	1.2	1.2	3.8	5.1	33.6	42.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	231,729 (10.1)	4.6	20.7	17.2	-51.0	15.7	16.7	2.9	2.8	-1.6	-4.1	2.6	2.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	273,269 (11.9)	39.9	48.5	20.3	-11.9	1.4	3.5	0.6	0.6	-3.7	-7.1	7.3	36.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	130,644 (5.7)	35.9	9.8	9.3	1.2	13.6	13.4	1.3	1.2	-2.3	-0.2	17.2	50.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	100,554 (4.4)	0.0	13.5	11.2	13.7	26.7	27.0	3.5	2.8	1.0	0.7	3.0	23.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	35,567 (1.5)	0.0	16.9	13.3	2.4	24.1	23.8	3.6	3.0	0.5	0.1	-2.4	21.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,919 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	-3.0	-0.5	-55.1
	FRT	#N/A Requesting Data...	28,200	2,227 (097)	31,676 (1.4)	30.3	20.6	14.4	-75.2	8.5	11.8	1.7	1.6	-0.5	-1.4	9.6	-14.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	51,716 (2.2)	34.6	9.0	12.7	41.2	26.2	19.9	2.2	2.3	-0.3	-0.3	6.5	-9.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,127 (0.1)	45.4	16.9	15.5	10.7	20.5	20.7	3.2	2.9	-0.3	-0.5	1.3	-8.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	257 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.0	7.0	9.8
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	231,850 (10.1)	0.0	20.1	16.5	15.6	25.6	26.4	4.4	3.9	3.4	3.7	7.5	72.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.